TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 44/2021/DS-ST
Ngày 15-4-2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản'

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Tùng;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2020/TLST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1955. Địa chỉ: Xóm 37, xã HM, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1993 và chị Đinh Thị H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm 31, xã HM, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Ông C có mặt; anh C, chị H vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-12-2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức C trình bày:

Ông Nguyễn Đức C và vợ chồng anh Phạm Văn C, chị Đinh Thị H không có anh em họ hàng gì mà chỉ là những người cùng làm ăn kinh doanh đồ gỗ với nhau. Ngày 28-12-2019 dương lịch, ông C đã cho anh C, chị H vay số tiền 105.000.000đ. Khi vay, anh C, chị H đã viết biên nhận giao ông C giữ trong đó ghi rõ tên người vay, cho vay, thời hạn vay và số tiền lãi cụ thể người vay phải trả hàng tháng là 2.500.000đ/tháng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay. Kể từ khi vay đến nay, anh C, chị H mới trả cho ông C 2.400.000đ tiền lãi vào ngày 30-1-2020, ngoài ra chưa trả được bất kỳ khoản tiền nào khác.

Hết hạn trả nợ vào ngày 28/12/2020, sau khi đòi nợ nhiều lần nhưng anh C, chị H không những không có ý thức trả nợ mà còn có thái độ thách thức và có ý đồ tẩu tán tài sản nên ông C làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh C, chị H phải trả cho ông C số tiền vay gốc là 105.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả hết khoản vay gốc.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Đậu công nhận giấy biên nhận đề ngày 28/12/2019 mà ông C nộp cho Tòa án do anh C viết và phần người vay là do anh C, chị H ký, ghi rõ họ tên. Chị Đậu ký tên ở cuối trang, phần ghi người làm chứng.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ cho vợ chồng anh C, chị H các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; bản sao đơn khởi kiện cùng các tài liệu nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, anh C, chị H đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiên của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng anh C, chị H trả nợ gốc 105.000.000đ, không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay gốc này. Anh C, chị H vắng mặt lần hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Phạm Văn C và chị Đinh Thị H vắng mặt tại phiên tòa hai lần không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị H là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ lời khai của đương sự, người làm chứng; giấy biên nhận gốc ghi ngày 28/12/2019 tên có đủ cơ sở kết luận: Việc anh C, chị H vay tài sản của ông C số tiền 105.000.000đ là sự việc có thật. Quá trình xác lập, thực hiện giao dịch, được ghi nhận bằng giấy biên nhận ngày 28-12-2019, các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là 01năm kể từ ngày 28-12-2019. Trong khi đó, pháp luật đã quy định: đối với hợp đồng vay có thời hạn, quá hạn mà bên vay không thực hiện nghĩa vụ thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản đã cho vay….Tại phiên tòa, ông C vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án buộc anh C, chị H phải trả cho ông số tiền vay gốc là 105.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Anh C, chị H vắng mặt không thể hiện quan điểm về việc ông C khởi kiện đòi nợ, quá trình giải quyết vụ án không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì khác nên cần chấp nhận toàn bộ yêu

cầu khởi kiện của ông C là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật dân sự.

[3] *Về lãi suất*: Tại giấy biên nhận do ông C giao nộp ghi thỏa thuận về lãi là 2.500.000đ/tháng. Ngày 30-1-2020, anh C, chị H trả cho ông C số tiền lãi 2.400.000đ, tương đương lãi suất 28,5%/năm, từ đó không tiếp tục trả lãi nữa. Như vậy, mặc dù tháng đầu tiên, anh C, chị H đã trả lãi cho ông C vượt quá quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông C, anh C, chị H đều không yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tại phiên tòa, ông C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Đức C.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn anh C, chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với vợ chồng anh Phạm Văn C và chị Đinh Thị H.

2. Buộc vợ chồng anh Phạm Văn C và chị Đinh Thị H phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Đức C số tiền vay gốc là 105.000.000đ (một trăm linh năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu buộc anh C, chị H phải trả lãi đối với khoản nợ gốc 105.000.000đ của ông Nguyễn Đức C.

4. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án: Buộc anh Phạm Văn C, chị Đinh Thị H phải nộp 5.250.000đ (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thanh Tùng **Đỗ Việt Hùng** **Ngô Thị Hòe**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Hòe

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Kiêm **Trần Thị Phượng**

Ngô Thị Hòe